

**ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO**

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
1	<p>Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh</p> <p>1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Rượu Hapro (dưới đây gọi là “Quy chế”) được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định 71/2017/NĐ-CP, Thông tư 95/2017/TT-BTC và vận dụng những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị công ty phù hợp với điều kiện của Việt Nam, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán và góp phần lành mạnh hoá nền kinh tế.</p> <p>2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của Công ty Cổ phần Rượu Hapro (“Công ty”).</p> <p>3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty.</p> <p>4. Quy chế này được thông qua bởi các cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, được tổ chức ngày 24 tháng 7 năm 2018 tại Hà Nội, gồm 15 Chương và 77 Điều.</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.</p>	<p>Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi</p>

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
2	Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	Không thay đổi	
3	Điều 3. Nguyên tắc quản trị công ty	Không thay đổi	
4	<i>Không quy định</i>	<p>Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau</p> <ol style="list-style-type: none"> Thông qua định hướng phát triển của Công Ty; Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá 	Bổ sung theo quy định Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
		<p>trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;</p> <p>e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công Ty;</p> <p>f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công Ty và cổ đông Công Ty;</p> <p>i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công Ty;</p> <p>j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l. Phê duyệt danh sách Công Ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công Ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p> <p>n. Trong trường hợp cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên muốn làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban</p>	

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
		<p>kiểm soát, Giám đốc đề trao đổi, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo hoặc thắc mắc liên quan đến quyền và lợi ích cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty hoặc theo quy định của pháp luật phải đăng ký với thư ký Hội đồng quản trị . Người phụ trách quản trị công ty/Trợ lý Giám đốc có trách nhiệm báo cáo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Giám đốc để sắp xếp lịch làm việc phù hợp. Căn cứ lịch làm việc, mức độ cần thiết của nội dung được yêu cầu, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Giám đốc quyết định làm việc trực tiếp với cổ đông và/hoặc cử người có thẩm quyền tham dự buổi làm việc.</p> <p>Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông báo cho cổ đông lịch làm việc, chuẩn bị tài liệu cho buổi làm việc và lập biên bản làm việc giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và cổ đông, đồng thời lưu giữ biên bản làm việc.</p>	
5		<p>Điều 5. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên: theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty.</p>	

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
6	<p>Điều 8. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 13 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p>3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông do TTLKCKVN cung cấp cho Công ty.</p> <p>a. Danh sách cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi Giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>b. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ phần của từng cổ đông.</p> <p>c. Cổ đông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi, bổ sung các thông tin không chính xác; tiếp cận thông tin</p>	<p>Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp:</p> <p>Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá <u>mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</u>:</p> <p>Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>1. Hội đồng quản trị tổ chức họp và ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p>2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông với VSD theo Quy chế thực hiện quyền do VSD ban hành.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Điều 140 và Điều 143 Luật Doanh nghiệp</p>

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
	về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.		
7	<p>Điều 9. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Cổ đông có quyền tham dự trực tiếp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Việc ủy quyền được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty.</p> <p>4. Hội đồng quản trị sắp xếp chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lý để cổ đông có thể thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>5. Nhằm tăng cường hiệu quả của các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất.</p>	<p>Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.</p>	Sửa đổi phù hợp theo Điều 143 Luật Doanh nghiệp
8	<i>Không quy định</i>	Điều 9. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung theo Điều 142 Luật Doanh nghiệp

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
		<p>1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Điều lệ Công ty;</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty;</p> <p>c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật</p>	

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
		<p>và Điều lệ Công ty.</p> <p>e. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	
9	<i>Chưa có quy định</i>	<p>Điều 10. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông Việc ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty;</p>	Sửa đổi bổ sung theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
10	<p>Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi đăng ký tham dự họp trước khi vào phòng họp Đại hội đồng cổ đông cần xuất trình các giấy tờ sau:</p> <p>a) Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu;</p> <p>b) Giấy mời họp;</p> <p>c) Giấy ủy quyền dự họp (trường hợp được cổ đông ủy quyền).</p> <p>2. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông được nhận tài liệu cuộc họp, thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên (nếu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có tổ chức bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên), trong đó:</p> <p>a) Trên thẻ biểu quyết có đóng dấu Công ty; in tên, số giấy CMND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông và tổng số cổ phần mà người đó sở hữu và đại diện theo ủy quyền của cổ đông.</p> <p>b) Trên phiếu biểu quyết có đóng dấu Công ty; in tên của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông và tổng số cổ phần mà người đó sở hữu và đại diện theo ủy quyền của cổ đông, in các vấn đề để Đại hội đồng cổ đông biểu quyết.</p> <p>c) Trên Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên có đóng dấu Công ty, in tên của cổ đông hoặc</p>	<p>Điều 11. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Người triệu tập họp quy định chi tiết rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp ĐHĐCĐ gửi cho cổ đông) về Công ty.</p> <p>b. Cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; - Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; (Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện); - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; - Các hình thức đăng ký dự họp ĐHĐCĐ khác phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. <p>2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội</p>	Sửa đổi theo Điều 144 Luật doanh nghiệp

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
	đại diện theo ủy quyền của cổ đông và tổng số phiếu bầu mà người đó nắm giữ và đại diện theo ủy quyền của cổ đông, in tên của các ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.	đồng cổ đông: Quy định tại khoản 1 Điều 20 điều lệ Công ty.	
11	<i>Không quy định</i>	Điều 12. Điều kiện tiến hành Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.	Bổ sung theo quy định tại Điều 145 Luật doanh nghiệp
12	<p>Điều 12. Cách thức bỏ phiếu</p> <p>1. Tất cả các nội dung trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông đều phải thông qua bằng cách lấy ý kiến của tất cả các cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự bằng thẻ/phiếu biểu quyết hoặc phiếu bầu cử theo số cổ phần sở hữu hoặc đại diện.</p> <p>2. Tại cuối họp Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa và Ban kiểm phiếu sẽ hướng dẫn cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông sử dụng Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết khi biểu quyết về từng vấn đề tại cuộc họp, và sử dụng Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.</p> <p>3. Tính hợp lệ của Phiếu/Thẻ biểu quyết và Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên</p> <p>a. Về hình thức: Phiếu/thẻ hợp lệ là phiếu/thẻ theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, có dấu treo của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa. Riêng phiếu biểu quyết và phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên phải có chữ ký xác nhận của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền.</p>	<p>Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:</p> <p>1. Nguyên tắc chung</p> <p>- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.</p> <p>- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.</p> <p>2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết</p> <p>- Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem là tán thành. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình</p>	Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
	<p>b. Về thời gian: Phiếu hợp lệ là phiếu nộp trước khi Ban kiểm phiếu đóng niêm phong thùng phiếu.</p> <p>c. Về nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thẻ biểu quyết không ghi thêm nội dung nào khác. - Phiếu biểu quyết không ghi thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này, đánh dấu “X” bằng bút mực chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. - Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên: <ul style="list-style-type: none"> + Không ghi thêm nội dung khác ngoài quy định vào phiếu bầu; + Ghi nội dung bằng bút mực, không ghi nội dung bằng viết chì, không gạch tên các ứng cử viên; + Số ứng cử viên bầu nhỏ hơn hoặc bằng số lượng ứng cử viên cần bầu; + Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu được phép bầu của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông. <p>d. Phương thức điền Phiếu biểu quyết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phiếu biểu quyết dùng để thông qua các báo cáo và tờ trình tại Đại hội. - Mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông được phát một (01) phiếu biểu quyết trong đó có ba (03) ý kiến: tán thành, không tán thành, không có ý kiến với từng nội dung biểu quyết. - Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đánh dấu “X” vào ô mình chọn. 	<p>thức biểu quyết bằng giờ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “□” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu. <p>Điều 14. Cách bỏ phiếu bầu cử</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyên tắc chung <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; - Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự ứng cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. 2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử <p>Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu; 	

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
	<p>3. Phương thức điền Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên dùng để bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên. - Cổ đông/đại diện cổ đông tiến hành chọn ứng cử viên bằng cách ghi trực tiếp số phiếu bầu của mình cho từng ứng cử viên tại cột “Số phiếu bầu”. Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông. Số phiếu bầu cho từng ứng cử viên có thể khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm của cổ đông/đại diện cổ đông đối với mỗi ứng cử viên. <p>4. Phương thức giờ “Thẻ biểu quyết”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thẻ biểu quyết dùng để thông qua các nội dung khác, trừ bầu thành viên Hội đồng quản trị, bầu Kiểm soát viên tại Đại hội. - Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết thì giờ thẻ biểu quyết lên cao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên; - Trường hợp phát sinh thêm ứng cử viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu); - Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ; - Nguyên tắc trúng cử: <ul style="list-style-type: none"> + Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. + Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau. + Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu. 	
13	Điều 12. Cách thức kiểm phiếu	Điều 15. Cách thức kiểm phiếu Đối với thẻ biểu quyết, việc biểu quyết được tiến	Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
	<p>1. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành (đồng ý) với nội dung vừa được trình được thu trước, số thẻ không tán thành (không đồng ý) với nội dung vừa được trình được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành (đồng ý) hay không tán thành (không đồng ý) hay không có ý kiến để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.</p> <p>2. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p> <p>3. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm giám sát việc biểu quyết của các cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự phiên họp và kiểm tra số thẻ/phiếu biểu quyết, phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên của từng nội dung.</p> <p>4. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả biểu quyết, bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>hành bằng như sau: Sau khi kết thúc việc giơ Thẻ biểu quyết chung đối với từng nội dung cần thông qua tại Đại hội, Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm đếm và công bố kết quả biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề đã được biểu quyết.;</p> <p>Đối với phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền bỏ phiếu vào thùng phiếu được ban tổ chức chuẩn bị từ trước, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc số phiếu bầu.</p> <p>Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.</p>	<p>công ty và Điều lệ sửa đổi</p>

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
14	<p>Điều 14. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.</p> <p>Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.</p> <p>Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.</p>	<p>Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua</p> <p>Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Điều 148 Luật doanh nghiệp</p>
15	<p>Điều 13. Thông báo kết quả kiểm phiếu</p> <p>1. Việc ghi nhận kết quả biểu quyết, kết quả kiểm phiếu phải được thực hiện bằng biên bản. Nội dung biên bản bao gồm:</p> <p>i. Tổng số cổ đông tham dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp; số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, không hợp lệ;</p> <p>ii. Số và tỷ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p> <p>2. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập và đọc Biên bản kiểm phiếu ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu</p> <p>3. Toàn bộ lá phiếu kiểm xong phải được niêm phong và bàn giao lại cho Chủ tọa Đại hội.</p>	<p>Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu:</p> <p>Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề, việc kiểm phiếu phải được lập thành biên bản có chữ ký của các thành viên ban kiểm phiếu. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p>	<p>Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi</p>

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
16	<p>Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định chi tiết tại Điều 25 Điều lệ Công ty.</p> <p>Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác.</p>	<p>Điều 18. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông theo Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Quy định cụ thể việc yêu cầu mua lại của cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp cổ đông yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: thực hiện theo Điều 24 Điều lệ Công ty.</p>	Sửa đổi theo quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp
17	<p>Điều 16. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Việc lập và công bố biên bản Đại hội đồng cổ đông được quy định chi tiết tại Điều 24 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều 19. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 23 Điều lệ Công ty.</p>	Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
18	<p>Điều 18. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về những vấn đề sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</p> <p>a) Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b) Kế hoạch phát triển ngắn hạn, dài hạn của Công ty;</p> <p>c) Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc.</p> <p>3. Nguyên tắc, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được quy định chi tiết tại Điều 23 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều 21. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản:</p> <p>Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản bất cứ lúc nào và bất kỳ nội dung nào thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.</p>	Sửa đổi theo quy định tại Điều 148 Luật doanh nghiệp và Điều 21, 22 Điều lệ công ty
19	Không quy định	<p>Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến</p> <p>Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều</p>	

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
		273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Điều lệ và các Quy chế quản trị của Công ty.	
20	<p>Điều 29. Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty.</p> <p>3. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>a) Phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;</p> <p>b) Báo cáo kịp thời và đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty;</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan phải báo cáo UBCKNN, SGDC và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 24. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty.</p>	Sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
	<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>		
21	<p>Điều 30. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra Hội đồng quản trị có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty; 2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty; 3. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định nội bộ của Công ty; 4. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 20 Quy chế này. 	<p>Điều 25. Trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều 42, Điều 43, Điều 44 Điều lệ Công ty</p>	<p>Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi</p>

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
22	<p>Điều 37. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các đơn vị thuộc khối cơ quan Công ty, Kế toán trưởng các công ty con của Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như các mặt hoạt động khác.</p> <p>2. Các cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều này khi nhận được yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 26. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Thực hiện theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp</p>
23	<p>Điều 28. Thành phần Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 người.</p> <p>2. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	<p>Điều 27. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Điều 154 Luật Doanh nghiệp</p>

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
24	<p>Điều 22. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị là những người mà pháp luật và Điều lệ Công ty không cấm làm thành viên Hội đồng quản trị và phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 hoặc Khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp và không thuộc đối tượng không có quyền quản lý doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật doanh nghiệp.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 27 Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Để đảm bảo có sự tách biệt giữa vai trò giám sát và điều hành Công ty, Công ty cần hạn chế thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ trong bộ máy điều hành của Công ty.</p> <p>4. Thành viên kiêm nhiệm:</p> <p>a) Các thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh quản lý ở Công ty hoặc ở các cơ quan khác nhưng không vi phạm Điều 18 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>b) Các thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm điều hành của mình đồng thời không được làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức Giám đốc trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p>	<p>Điều 28. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>1. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các theo quy định tại khoản 1, Điều 155 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các theo quy định tại khoản 2, Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.</p>	

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
25	<p>Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty được thực hiện theo Điều 26 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có quyền đề cử thêm ứng cử viên Hội đồng quản trị cho đến khi đủ số lượng. Các ứng viên được Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 hoặc Khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp đồng thời phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>Điều 29. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>Thực hiện theo Điều 25 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi</p>

<p>26</p>	<p>Điều 24. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức quy định tại Điều 19 Quy chế này, theo đó mỗi cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông nhân với số thành viên cần bầu vào Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu vào Hội đồng quản trị. Trường hợp có từ hai (02) ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau.</p> <p>3. Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức.</p>	<p>Điều 30. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc một phương thức khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Điều 154 Luật Doanh nghiệp</p>
-----------	---	--	---

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
	c) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung không quá 5 năm.		
27	<p>Điều 25. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 27 Điều lệ Công ty;</p> <p>2. Cổ đông là pháp nhân đề cử thành viên Hội đồng quản trị đó có văn bản đề nghị rút đề cử gửi đến Hội đồng quản trị;</p> <p>3. Cổ đông là pháp nhân đề cử thành viên đó bị tuyên bố mất tư cách pháp nhân.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>Điều 31. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Các trường hợp bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại thấp hơn số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp</p>

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
		ba; b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.	
28	<p>Điều 26. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Công ty công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ khi Công ty thay đổi, bầu, bầu lại, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>2. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này, Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK Bản cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị mới.</p>	<p>Điều 32. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.</p>	Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi
29	<p>Điều 27. Cách thức giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Dựa vào Hồ sơ đề cử, ứng cử của cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Chủ tọa cuộc họp giới thiệu các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định trình đại hội thông qua để bầu thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Danh sách ứng cử viên được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.</p>	<p>Điều 33. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại ĐHĐCĐ gần nhất.</p> <p>2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và các trình</p>	Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
		<p>tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện, đồng thời trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử...</p> <p>3. Hội đồng quản trị tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn làm Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Quy chế này.</p> <p>4. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này; - Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải được đa số Thành viên HĐQT đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua. - Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. 	
30	<i>Chưa có quy định</i>	<p>Điều 34. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 1 Điều 156 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p>	Bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 156 Luật Doanh nghiệp

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
		<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
31	Điều 39. Thù lao của Hội đồng quản trị	Điều 35. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.	Không thay đổi
32	<i>Chưa có quy định</i>	Điều 36. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo quý: Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.	Bổ sung theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 41 Luật Chứng khoán
33	<i>Chưa có quy định</i>	Điều 37. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường; 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị: a. Ban kiểm soát; b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác; c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị; d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; e. Các trường hợp khác (nếu có). 2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu trên phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức	Bổ sung theo quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
		cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 1 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.	
34	<p>Điều 38. Thông báo họp Hội đồng quản trị:</p> <p>1. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>b) Phát biểu với tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông thành viên Hội đồng quản trị nhất, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả các</p>	<p>Điều 38. Thông báo họp Hội đồng quản trị:</p> <p>1. 1. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, các vấn đề thảo luận và quyết định kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p> <p>2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p>	Bổ sung theo quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
	<p>thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p>3. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất 07 ngày trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó.</p> <p>4. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, email hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.</p>		
35	<p>Điều 33. Cách thức biểu quyết</p> <p>4. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	<p>Điều 39. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát:</p> <p>Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	Bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 170 Luật doanh nghiệp
36	<p>Điều 32. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 40. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị</p>	Không thay đổi
37	<p>Điều 33. Cách thức biểu quyết</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc các đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan tới thành viên đó có lợi</p>	<p>Điều 41. Cách thức biểu quyết:</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p>	Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
	<p>ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Theo quy định tại Khoản 11 Điều 31 Điều lệ Công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; - Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; - Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty. <p>2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.</p>	<p>công ty và Điều lệ sửa đổi</p>

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
	<p>hợp đồng hoặc giao dịch nêu trên.</p> <p>6. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 11 Điều 31 Điều lệ Công ty, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 11 Điều 31 Điều lệ Công ty trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 phiếu biểu quyết.</p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp Hội đồng quản trị thông qua thư, fax, email. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p>		
38	<p>Điều 34. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra các nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p> <p>2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p>	<p>Điều 42. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:</p> <p>Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	<p>Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi</p>

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
39	<i>Chưa có quy định</i>	<p>Điều 43. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>Điều 45. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị:</p> <p>Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp</p>	Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi
40	<p>Điều 35. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều 154 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên Hội đồng quản trị và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi.</p>	<p>Điều 44. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị:</p> <p>Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp.</p>	Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
41	<p>Điều 36. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị</p> <p>1. Nghị quyết Hội đồng quản trị công bố theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị thông báo nghị quyết trong vòng 24 giờ đến Ban Giám đốc, các đơn vị quản lý, đơn vị sản xuất có liên quan để tổ chức thực hiện, đồng thời gửi Ban kiểm soát để giám sát.</p>	<p>Điều 46. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:</p> <p>Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông báo/công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p>	Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi
42	<p>Điều 38. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị được quy định chi tiết tại Điều 32 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều 47. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>Thực hiện theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty.</p>	Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi
43	<p>Điều 61. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Có hiểu biết về pháp luật;</p> <p>2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 48. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty:</p> <p>Người phụ trách quản trị công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ năng lực hành vi dân sự, có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, nhiệt tình và có uy tín; - Phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. - Có năng lực quản trị; - Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quyết định của Hội đồng quản trị. 	Bổ sung theo quy định tại điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
44	<p>Điều 62. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>Điều 49. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:</p> <p>Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi</p>
45	<p>Điều 63. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.</p>	<p>Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm người phụ trách quản trị Công ty khi đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Người phụ trách quản trị công ty mới thay thế.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị Công ty có thể được Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty; + Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác; + Và các trường hợp khác mà pháp luật cho phép. <p>3. Người phụ trách quản trị công ty có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty; 	<p>Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi</p>

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
		<p>+ Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến mức buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;</p> <p>+ Và những trường hợp khác mà pháp luật cho phép.</p> <p>Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng đã ký kết (nếu có).</p>	
46	<p>Điều 64. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Công ty công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên trang thông tin điện tử của Công ty đồng thời công bố đến UBCKNN, SGDCK, TTLKCKVN.</p> <p>2. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin trên, Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK, TTLKCK Bản cung cấp thông tin của cán bộ quản lý mới.</p>	<p>Điều 51. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:</p> <p>Sau khi có quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan nhà nước, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.</p>	
47	<i>Chưa có quy định</i>	<p>Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty:</p> <p>Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty được quy định tại Khoản 3 Điều 32 Điều lệ Công ty.</p>	Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi
48	<i>Chưa có quy định</i>	<p>Điều 53. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Vai trò của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản</p>	Bổ sung theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
		<p>lý và điều hành công ty.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát: trách nhiệm của được quy định tại Điều 39 Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Trách nhiệm của Kiểm soát viên: Thực hiện theo quy định tại Điều 42, Điều 43, Điều 44 Điều lệ Công ty</p> <p>4. Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.</p>	
49	<i>Chưa có quy định</i>	<p>Điều 54. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát:</p> <p>Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi
50	<p>Điều 40. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên</p> <p>Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 38 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều 55. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát:</p> <p>Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; + Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của 	Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
		công ty trong 03 năm liền trước đó.	
51	<p>Điều 41. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p> <p>Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được quy định tại Khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty.</p> <p>Trường hợp số lượng các ứng viên Kiểm soát viên thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có quyền đề cử thêm ứng viên Kiểm soát viên cho đến khi đủ số lượng cần thiết. Các ứng viên được Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 38 Điều lệ Công ty đồng thời phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>Điều 56. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:</p> <p>Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty.</p>	Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi
52	<p>Điều 42. Cách thức bầu kiểm soát viên và Trưởng ban kiểm soát</p> <p>1. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên thực hiện theo phương thức quy định tại Điều 19 Quy chế này.</p> <p>2. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định trong Điều lệ. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại</p>	<p>Điều 57. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát:</p> <p>Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự Điều 30 Quy chế này</p>	Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
	<p>trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau.</p> <p>3. Việc bầu Trưởng Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 38 Điều lệ Công ty.</p>		
53	<p>Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</p> <p>1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 38 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 38 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều 58. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:</p> <p>Thực hiện theo quy định tại Khoản 3, khoản 4 Điều 37 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi</p>
54	<p>Điều 44. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</p> <p>1. Công ty công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ khi Công ty thay đổi, bầu, bầu lại, miễn nhiệm Kiểm soát viên trên trang thông tin điện tử của Công ty đồng thời báo cáo UBCKNN, SGDCK.</p> <p>2. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK Bản cung cấp thông tin của Kiểm soát viên mới.</p>	<p>Điều 59. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:</p> <p>Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.</p>	<p>Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi</p>
55	<p>Điều 46. Thù lao của Kiểm soát viên</p> <p>Tiền lương, thù lao và các khoản lợi ích khác của Kiểm soát viên được quy định chi tiết tại Khoản 4 Điều 39 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều 60. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát:</p> <p>Thực hiện theo quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi</p>

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
56	<i>Chưa có quy định</i>	<p>Điều 61. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc:</p> <p>1. Vai trò của Giám đốc: Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc được quy định tại khoản 4 Điều 35 Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Trách nhiệm của Giám đốc: thực hiện theo quy định tại Điều 42, Điều 43 Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.</p>	Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi
57	<i>Chưa có quy định</i>	<p>Điều 62. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc:</p> <p>1. Nhiệm kỳ của Giám đốc là không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.</p>	Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi
58	<p>Điều 49. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp</p> <p>1. Sau khi có Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc/Phó Giám đốc/Kế toán trưởng Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký hợp đồng lao động với Giám đốc; Giám đốc ký hợp đồng lao động với Phó Giám đốc/Kế toán trưởng.</p>	<p>Điều 63. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc</p> <p>Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác.</p>	Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
	<p>2. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động.</p>		
59	<p>Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Do nhu cầu công tác hoặc sức khỏe không đảm bảo; 2. Không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc không đủ uy tín, điều kiện để giữ chức vụ; 3. Vi phạm kỷ luật để xảy ra các sai sót lớn trong lĩnh vực mình phụ trách làm thiệt hại lớn đến kinh tế và uy tín của Công ty; 4. Vi phạm pháp luật của Nhà nước nhưng chưa đến mức bằng hình thức cách chức hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. 	<p>Điều 64. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc khi đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế. 2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký Hợp đồng lao động với người điều hành khác của Công ty theo thẩm quyền của HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT hoặc Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty 	<p>Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi</p>
60	<p>Điều 51. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên trang thông tin điện tử của Công ty đồng thời công bố đến UBCKNN, SGDCK, TTLKCKVN. 2. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin trên, Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK, TTLKCK Bản cung cấp thông tin của cán bộ quản lý mới. 	<p>Điều 65. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc:</p> <p>Sau khi có quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc cách chức cán bộ quản lý doanh nghiệp, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan quản lý, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi</p>

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
61	<i>Chưa có quy định</i>	Điều 66. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc: 1. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. 2. Tiền lương của Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi
62	Điều 52. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc	Điều 67. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc:	Không thay đổi
63	Điều 53. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Giám đốc	Điều 68. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát	Không thay đổi
64	Điều 54. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị	Điều 70. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị	Không thay đổi

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
65	<p>Điều 55. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao</p> <p>1. Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày kết thúc tháng, quý và năm, Giám đốc Công ty phải báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty.</p> <p>2. Nội dung báo cáo phải bao gồm các chỉ tiêu sau: Doanh thu, chi phí hoạt động SXKD (bao gồm cả chi phí tài chính), Lợi nhuận, tình hình sử dụng vốn, hàng tồn kho, phải thu, phải trả, đánh giá khả năng thu hồi các khoản công nợ phải thu, kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang...</p>	<p>Điều 71. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:</p> <p>1. Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày kết thúc tháng, quý và năm, Giám đốc Công ty phải báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty.</p> <p>2. Các nội dung Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao luôn được tích hợp thành 1 mục trong chương trình họp HĐQT.</p> <p>3. Các nội dung báo cáo bao gồm các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành tích chung của Công ty; - Việc triển khai chiến lược kinh doanh của Công ty; - Các chỉ tiêu kinh doanh của Công ty; - Các kết quả tài chính của Công ty; - Sự tuân thủ của Bộ máy quản lý đối với luật pháp và các thủ tục nội bộ liên quan tới Quản trị công ty, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ; - Thành tích của Bộ máy quản lý, ở cấp độ tập thể lẫn cấp độ cá nhân; <p>4. Giám đốc phải báo cáo thường xuyên và kịp thời việc triển khai thực hiện các nghị quyết của HĐQT, việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao hoặc phân công, ủy quyền của HĐQT/Chủ tịch HĐQT cho Giám đốc, gửi cho BKS nếu cần thiết hoặc theo yêu</p>	<p>Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi</p>

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
		<p>cầu của BKS. Khi phát hiện những vấn đề không có lợi cho Công ty, Giám đốc báo cáo với Hội đồng quản trị để ra quyết định điều chỉnh.</p> <p>5. Giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình kinh doanh của Công ty và các phương án hoạt động, khắc phục thua lỗ, kém hiệu quả; cơ cấu tổ chức Công ty, các hệ thống hiện có nhằm phát triển đội ngũ lao động của Công ty.</p> <p>6. Hội đồng quản trị có thể cử đại diện tham dự các buổi họp nội bộ Công ty của Giám đốc khi xét thấy cần thiết. Những cuộc họp quan trọng có liên quan đến cơ chế, chính sách, hướng phát triển trung, dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Công ty thì Giám đốc phải chủ động mời Hội đồng quản trị tham dự.</p>	
66	Điều 56. Kiểm điểm thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị với Giám đốc	Điều 72. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc	Không thay đổi
67	<p>Điều 58. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Giám đốc</p> <p>1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng các quy định tại Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều 74. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát Giám đốc theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể trao đổi ngay</p>	Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
	<p>2. Trong trường hợp cần thiết, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc có thể thông tin ngay (trực tiếp hoặc qua điện thoại, email) cho nhau, đảm bảo giải quyết công việc hiệu quả và thuận lợi.</p> <p>3. Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, các Phó Giám đốc và các cán bộ quản lý khác tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát trong và ngoài nước nhằm trao đổi trình độ chuyên môn, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành. Việc tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát nêu trên không được ảnh hưởng đến công việc chung của Công ty.</p>	<p>tại các cuộc họp HĐQT.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể phối hợp với các người điều hành doanh nghiệp khác sau khi tham khảo với Giám đốc về chủ đề, thời gian và các nội dung khác.</p> <p>5. Các vấn đề mà HĐQT phải phê duyệt theo đề xuất của Giám đốc theo Khoản 2 Điều 27 của Điều lệ, HĐQT phải phản hồi trong vòng 07 ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận.</p> <p>6. Trong trường hợp cấp thiết, vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ của mình, các thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, Người Quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty nhưng phải được sự đồng ý của Chủ tịch HĐQT. Yêu cầu phải được lập bằng văn bản và gửi cho Giám đốc trước ít nhất 24 giờ.</p> <p>7. HĐQT có trách nhiệm phản hồi các nội dung: kiến nghị về Điều lệ; Quy chế quản trị công ty; cơ cấu tổ chức và số lượng Người quản lý trong thời hạn 15 ngày.</p> <p>8. Các nội dung phê chuẩn giao dịch với Người có liên quan hoặc Giao dịch trọng yếu, HĐQT phải phản hồi bằng văn bản trong thời hạn 7 ngày.</p> <p>9. Trong trường hợp cuộc họp của HĐQT có mời thành viên Bộ máy quản lý hoặc bất kỳ cấp quản lý nào thì HĐQT có trách nhiệm gửi thông báo mời họp, nội dung chuẩn bị (nếu có) trước ít nhất 07 ngày.</p> <p>9. Phối hợp công việc của Ban Giám đốc và Ban Kiểm</p>	

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
		<p>soát Công Ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - BKS triển khai thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát công tác quản lý, điều hành và các hoạt động kinh doanh của Công Ty theo định kỳ hoặc đột xuất tùy thuộc vào tình hình hoạt động của Công Ty. - Trưởng BKS thông báo cho Ban Giám đốc về kế hoạch kiểm tra, nội dung kiểm tra và các yêu cầu có liên quan đối với mỗi đợt kiểm tra và gửi thông báo để HĐQT biết thông tin. - Giám đốc có trách nhiệm tuân thủ và tạo điều kiện cho hoạt động của các thành viên BKS. Giám đốc phải chỉ đạo các cá nhân, phòng/ban/đơn vị trực thuộc Công ty bố trí thời gian, nhân sự và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan theo yêu cầu của BKS. - Trong quá trình kiểm tra, Ban Giám đốc và các phòng/ban/đơn vị trực thuộc Công Ty phải cung cấp hồ sơ, giải trình các nội dung theo yêu cầu của BKS. BKS có nghĩa vụ đảm bảo hoạt động kiểm tra không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công Ty. - Kết thúc mỗi đợt kiểm tra, BKS lập biên bản kiểm tra và có kết luận về kết quả kiểm tra gửi Giám đốc, HĐQT để biết thông tin. - Căn cứ kết quả kiểm tra, BKS ban hành các quyết định, chỉ thị theo thẩm quyền phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty để Ban Giám đốc triển khai các công việc liên quan nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho Công Ty. Các văn bản này được gửi cho HĐQT để 	

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
		<p>nắm thông tin và triển khai chỉ đạo, giám sát thực hiện nếu cần thiết.</p>	
68	<p>Điều 59. Đánh giá hoạt động</p> <p>1. Phương thức đánh giá hoạt động:</p> <p>Tùy thuộc vào quy định của Hội đồng quản trị, công tác đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc các người điều hành khác của Công ty có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:</p> <p>a) Tự nhận xét, đánh giá;</p> <p>b) Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;</p> <p>c) Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.</p> <p>2. Tiêu chí đánh giá:</p> <p>Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc và các người điều hành khác căn cứ vào kế hoạch đề ra của từng năm, mức độ hoàn thành kế hoạch của từng thành viên.</p> <p>a) Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các người điều hành khác do Hội đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ.</p>	<p>Điều 75. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác</p> <p>1. HĐQT thực hiện đánh giá thành viên HĐQT kết hợp với đánh giá hoạt động các tiểu ban và đánh giá từng thành viên HĐQT. Việc đánh giá được thực hiện 1 lần/năm. Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.</p> <p>2. Đánh giá hoạt động HĐQT Tiêu chí đánh giá: Hành vi và hiệu quả hoạt động, và thể hiện qua các khía cạnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả doanh thu, lợi nhuận và các chỉ số phi tài chính khác; - Tỷ lệ thành viên HĐQT không điều hành, điều hành trong cơ cấu thành viên HĐQT; - Số cuộc họp của HĐQT, của các tiểu ban và các nội dung được đề ra trong từng cuộc họp; - Số lượng các trường hợp về xung đột lợi ích có xảy ra; - Việc tuân thủ quy định về bảo mật thông tin; - HĐQT tham gia các chương trình đào tạo về quản 	<p>Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi</p>

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
		<p>lý;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chính sách thù lao cho HĐQT; - Các chính sách mới được phát triển và ban hành <p>3. Thành viên Ban kiểm soát:</p> <p>Trưởng Ban kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>Ban kiểm soát thực hiện việc đánh giá thành viên Ban kiểm soát dựa trên các tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. - Việc thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ. <p>Báo cáo kết quả hoạt động của BKS trình Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm thông qua.</p>	
69	<p>Điều 60. Khen thưởng, kỷ luật</p> <p>1. Khen thưởng:</p> <p>a) Thẩm quyền khen thưởng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng đối với các chức danh: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty. - Giám đốc quyết định khen thưởng đối với các chức danh: Trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty. <p>b) Chế độ khen thưởng: bằng tiền; và/hoặc bằng hiện vật.</p>	<p>Điều 76. Khen thưởng</p> <p>1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 75 Quy chế này.</p> <p>2. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu hoặc các hình thức khác do HĐQT quy định thông qua quy định nội bộ của HĐQT.</p> <p>3. Đối với đối tượng là thành viên HĐQT, BKS: HĐQT, BKS quyết định trong phạm vi thù lao được ĐHCĐ phê chuẩn.</p>	<p>Đề nghị sửa đổi theo quy chế mẫu về quản trị nội bộ công ty và Điều lệ sửa đổi</p>

STT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị dự thảo	Căn cứ sửa đổi
	<p>c) Việc khen thưởng (bao gồm: Lương, thưởng, thù lao...) đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d) Việc khen thưởng đối với chức danh quản lý khác được thực hiện theo Quy chế trả lương, thưởng đối với người lao động Công ty.</p> <p>2. Kỷ luật:</p> <p>Nguyên tắc, hình thức, trình tự xử lý vi phạm, kỷ luật đối với cán bộ quản lý Công ty thực hiện theo quy định của Công ty và quy định của pháp luật lao động.</p>	<p>4. Đối với đối tượng là cán bộ quản lý: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn.</p> <p>Điều 77. Kỷ luật</p> <p>1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.</p> <p>2. Thành viên HĐQT, BKS, cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.</p> <p>3. Thành viên HĐQT, BKS, các bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.</p>	